

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2023/HS-ST

Ngày 30/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN S – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Long
2. Bà Nguyễn Thị Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 220/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991; HKTT: Khối 4, xã Ph, huyện S, TP Hà Nội. Chỗ ở hiện nay: Khối 6, xã Ph, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Trọng H và bà Nguyễn Thị K; Vợ: Bùi Thị Th. Con có 01 con. Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1919; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Th, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Nguyễn Thị Th; Vợ: Ngô Thị H. Con có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Văn L, sinh năm 1998; HKTT và chỗ ở: Thôn V, xã Ng, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn S và bà Nguyễn Thị Th; vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đoàn Hương G, sinh năm 1993; HKTT và chỗ ở: Thôn Th, xã M, huyện S, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn Đ và bà Lê Thị Thu H; Chồng: Hoàng Công Th. Con: có 03 con. Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Vũ Thị Khánh H, sinh năm 1996; HKTT và chỗ ở: Đội 10, xã L, huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn K và bà Lương Thị M; Chồng: Tống Văn Th. Con: có 01 con. Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

6. Hà Xuân A, sinh năm 2001; HKTT và chỗ ở: Thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Xuân Tr (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (mất tích); Vợ con chưa có. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 18/5/2017, Công an huyện T – tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/02/2023 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1** là ông **Bùi Văn Th** – Luật sư Văn phòng luật sư Th thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 2, Số 19 Tr, quận H, TP Hà Nội. Có mặt.

+ Người bào chữa cho bị cáo Hà Xuân A là ông **Lê Trọng Ng** và ông **Lê Hồng C** – Luật sư Văn phòng luật sư Công Chứng O thuộc Đoàn luật sư TP Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà 141 H, quận C, TP Hà Nội. Có mặt ông Lê Trọng Ng, vắng mặt ông Lê Hồng C.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Chị Lương Thị H, sinh ngày 24/02/2006. Địa chỉ: Thôn 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989. Địa chỉ: Khối 4, xã Ph, huyện S, TP Hà Nội. Vắng mặt.

+ Chị **Đinh Thị Hoa M**, sinh năm 2004. Địa chỉ: Khu 8, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị Kh, sinh 1986. Địa chỉ: Khối 13, xã Ph, huyện S, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

* **Người đại diện hợp pháp cho chị Lương Thị H** là bà **Lương Thị H**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 40 phút 27/02/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện S tiến hành kiểm tra hành chính tại Nhà nghỉ B thuộc thôn M, xã M, huyện S, Tp Hà Nội, kết quả kiểm tra:

Tại Phòng 506 có 02 đối tượng: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1991, trú tại thôn Th, xã Đ, huyện S, Tp Hà Nội và Lương Thị H, sinh ngày 24/02/2006, trú tại thôn 3, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Tang vật thu giữ: 01 thẻ cứng dán số 506 và 01 ống hút đều dính tinh thể màu trắng; 01 túi nilon kích thước (3x2,5)cm đựng tinh thể màu trắng; 01 tấm kính kích thước khoảng (50 x 50)cm trên mặt bàn kính có tinh thể màu trắng.

Tại Phòng 504 có 02 đối tượng: Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, trú tại Khối 4, xã Ph, huyện S, Tp Hà Nội và Đinh Thị Hoa M, sinh năm 2004, trú tại Khu 8, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

Tại Phòng 508 có 01 đối tượng: Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991, trú tại Khối 4, xã Ph, huyện S, Tp Hà Nội.

Ngoài ra, thu giữ 05 điện thoại di động Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Trọng Đ, Lương Thị H, Đinh Thị Hoa M.

Khoảng 09 giờ 20 phút ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện S đã tiến hành khám xét khẩn cấp quán Karaoke R, thuộc thôn Th, xã M, huyện S, Tp Hà Nội. Kết quả khám xét:

- Tại phòng ngủ của Đoàn Thị Hương G, sinh năm 1993, trú tại thôn Th, xã M, huyện S, Tp Hà Nội (là con dâu của bà Hồ Thị M chủ quán Karaoke R, được bà M giao quyền quản lý quán) thu giữ: 01 đĩa sứ, 01 thẻ cứng, 01 ống hút có dính chất bột màu trắng ở dưới bàn trang điểm; 01 túi nilon kích thước (2x2) cm dính bột màu trắng tại ngăn kéo bàn trang điểm và số tiền 50.000.000 đồng.

- Tại phòng khách của quán Karaoke R: thu giữ 01 túi nilon kích thước (2x2)cm có dính tinh thể màu trắng.

- Tại phòng ngủ của Hà Xuân A, sinh năm 2001, trú tại thôn Tr, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định (là nhân viên quán Karaoke R), quá trình kiểm tra Xuân A đã tự giác giao nộp 01 túi nilon bên trong chứa 01 viên nén màu cam, 01 mảnh viên nén màu cam cất giấu dưới giường trong phòng ngủ của Xuân A (Hà Xuân A khai nhận được số ma túy nêu trên ở trong phòng vệ sinh của quán R nên cất giấu nhằm mục đích để sử dụng) và 01 điện thoại di động của Xuân A.

Ngoài ra, thu giữ tại khu vực quán Karaoke R 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu trắng, 01 phiếu hóa đơn bán lẻ ghi anh Đ nợ.

Khoảng 11 giờ ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT - Công an huyện S đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn L, thu giữ 01 đầu thu camera nhãn hiệu @huavà 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone.

Tại Bản kết luận giám định số 1237 ngày 07/03/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Tp Hà Nội kết luận:

- Mẫu ký hiệu 1 gồm: 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng (thu được trên mặt kính); 01 thẻ cứng; 01 ống hút là tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon (thu giữ trên mặt bàn kính) có khối lượng 0,135 gam ma túy loại Ketamine; 01 thẻ cứng, 01 ống hút đều có dính ma túy loại Ketamine;

- Mẫu ký hiệu 2 gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ cứng và 01 ống hút đều dính ma túy loại Ketamine;

- Mẫu ký hiệu 3 gồm: 01 vỏ túi nilon dính ma túy loại Ketamine;

- Mẫu ký hiệu 4 gồm: 01 vỏ túi nilon dính ma túy loại Ketamine;

- Mẫu ký hiệu 5 gồm: 01 viên nén màu cam và 01 mảnh viên nén màu cam có khối lượng 0,680 gam đều là ma túy loại MDMA;

- Mẫu ký hiệu 6 gồm: 01 đĩa sứ màu trắng dính ma túy loại Ketamine;

Tiến hành xét nghiệm nước tiểu Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Trọng Đ, Lương Thị H, Đinh Thị Hoa M phản ứng dương tính với ma túy loại Ketamine.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy:

Khoảng 23 giờ ngày 26/02/2023, Nguyễn Trọng Đ sử dụng số điện thoại 0383018042 gọi đến số điện thoại 0973012091 của Nguyễn Văn T1 rủ T1 đến quán hát karaoke R do bà Hồ Thị M là chủ quán để sử dụng ma túy. Đ và T1 thống nhất với nhau sau khi sử dụng ma túy xong sẽ cùng nhau chia tiền, T1 đồng ý. Đ gọi điện đến số điện thoại 0832711993 của Đoàn Hương G (là con dâu bà M, được bà M giao quyền quản lý quán Karaoke R), đặt vấn đề mua 03 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke, G đồng ý bán với giá 4.200.000 đồng. Một lúc sau, G đến phòng ngủ của Vũ Thị Khánh H (là nhân viên của quán Karaoke R). G đưa cho H 01 gói giấy màu trắng, bên trong có chứa 03 viên ma túy kẹo và 01 túi nilon bên trong

chứa 01 chỉ ma túy Ke và bảo H đưa cho Đ rồi thu hộ số tiền 2.000.000 đồng từ Đ. H biết rõ bên trong gói giấy G đưa cho là ma túy, nhưng H vẫn đồng ý giúp G chuyển ma túy cho Đ. Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 26/02/2023, Đ đến quán Karaoke R, anh Hà Văn D (là quản lý của quán) dẫn Đ vào phòng Vip 1 của quán. Tại khu vực quây lễ tân ở sát phòng Vip 1 của quán Karaoke R, H gặp và đưa cho Đ 01 bọc giấy bên trong có chứa 03 viên ma túy kẹo và 01 túi nilon bên trong chứa 01 chỉ ma túy ke. Sau khi nhận ma túy, Đ cầm vào phòng Vip 1, còn H đi về phòng ngủ của quán. Một lúc sau G nhắn tin cho H hỏi “*đã lấy tiền giao ma túy cho Đ chưa*”, H nhắn tin “*em chưa*”. Do không có khách nên H về phòng trọ của mình để ngủ.

Về nguồn gốc số ma túy bán cho Đ, G khai nhận: Ngày 24/02/2023, G đi chơi ở quán bar ở khu vực nội thành Hà Nội (không rõ địa chỉ cụ thể) và nhặt được số ma túy nên trên nên ngày 26/02/2023 khi Đ đặt vấn đề hỏi mua ma túy G đã bán cho Đ.

Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:

Sau khi nhận ma túy của H, Đ vào Phòng Vip 1 quán Karaoke R và gọi điện vào số điện thoại 0377191998 của Bùi Văn L (là quản lý quán Karaoke N, ở gần quán Karaoke R). Đ rủ L sang quán Karaoke R để sử dụng ma túy. Đ và L thống nhất L trả tiền thuê nhân viên phục vụ trong quá trình sử dụng ma túy, L đồng ý. Sau đó, L vào phòng ngủ của nhân viên quán Karaoke N rủ 02 nữ nhân viên của quán Karaoke N tên là V, H (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) sang quán hát Karaoke R. Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1991, ở số 9, Ng, phường H, Tp H, tỉnh Hải Dương (là bạn của Hoàng Mạnh T anh rể của G) bảo Lương Thị H (là nhân viên của quán Karaoke R) vào phòng Vip 1 của quán R để phục vụ khách. Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 27/02/2023, L cùng 02 nhân viên nữ tên là V và H đến quán R phòng Vip 1 của quán Karaoke R. Tại đây, Đ đưa cho L, V và H mỗi người ½ viên ma túy kẹo để sử dụng. Sử dụng ma túy xong, tất cả ngồi nghe nhạc. Sau đó Đ tiếp tục lấy túi nilon đựng ma túy Ketamine chia một phần ma túy từ túi zip nilon ban đầu sang túi zip nilon khác. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 27/02/2023, T1 và H vào phòng Vip 1, Đ đưa cho T1 và H mỗi người ½ viên ma túy kẹo để sử dụng rồi đưa cho H 01 túi zip nilon bên trong chứa ma túy để H xào ke. H cầm ma túy cùng với Đ đi xuống phòng ngủ dành cho nhân viên của quán R. H lấy 01 đĩa sứ, ống hút và thẻ cứng đưa cho Đ xào ke. Sau khi xào xong ma túy, Đ mang ma túy vào phòng Vip 1 quán R và đổ lên mặt bàn kính trong phòng để Đ, T1, L, H, V và H cùng sử dụng. Trong quá trình sử dụng ma túy, T1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T3, sinh năm 1989, trú tại Khối 4, xã Ph, huyện S, Tp Hà Nội để rủ T3 đến quán Karaoke R sử dụng ma túy. Khoảng 01 giờ ngày 27/02/2023, Đ đến quán Karaoke N thì gặp T3 và Đinh Thị Hoa M (là nhân viên quán Karaoke N)

nên Đ rủ T3 và M sang quán Karaoke R. T3 và M đến phòng Vip 1 quán Karaoke R, Đ đưa cho T3 ½ viên ma túy kẹo để sử dụng, sau đó T3 và M cùng mọi người tiếp tục sử dụng ma túy ke có sẵn ở trên mặt bàn kính của phòng Vip 1.

Khoảng 02 giờ ngày 27/02/2023, L rủ mọi người sang quán Karaoke N do chị Hồ Thị Ng (là chủ quán) để tiếp tục sử dụng ma túy. Đ, L, T1, H, T3, M, V và H sang quán Karaoke N. Tại đây, anh Cao Phạm T3 V (là nhân viên quản lý của quán Karaoke N cùng Bùi Văn L) đưa cả nhóm vào Phòng số 9. Sau đó, Đ và H xào ke, Đ để số ma túy trên mặt bàn kính để mọi người tiếp tục sử dụng đến khoảng 04 giờ 30' phút cùng ngày thì nghỉ. H cạo số ma túy còn lại ở trên mặt bàn cho vào túi nilon rồi cùng Đ, T1, T3 và M đi thuê phòng tại Nhà nghỉ B, thuộc thôn M, xã M, huyện S. L, V và H nghỉ tại quán Karaoke N. Khi đến nhà nghỉ B, T1 và H vào phòng 506, Đ vào phòng 508, T3 và M vào phòng 504. Tại phòng 506, H lấy túi ma túy còn lại mà H lấy ở phòng 9 quán Karaoke N ra mặt bàn tiếp tục sử dụng ma túy, T1 ngủ nên không sử dụng. Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 27/02/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện S tiến hành kiểm tra hành chính tại Nhà nghỉ B đã phát hiện tạm giữ tang vật và các đối tượng liên quan đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản cáo trạng số 162/CT-VKS ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1 và Bùi Văn L về tội ‘Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 255 BLHS. Bị cáo Đoàn Hương G và Vũ Thị Khánh H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Bị cáo Hà Xuân A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T3 vắng mặt tại phiên tòa có lời khai: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 26/02/2023 anh có đến quán karaoke N để hát thì T1 có gọi điện nói “sang đây chơi với em” tôi hiểu là T1 rủ sang uống bia. Đến khoảng 1 giờ ngày 27/02/2023 thì anh ra về. Khi ra đến cửa quán thì gặp Đ và T1 rủ anh vào quán karaoke R uống bia, lúc này M là nhân viên của quán karaoke N đang đi cùng anh nên đã đi cùng anh vào quán R. Khi vào quán R anh vào phòng VIP 1. Vào trong phòng gồm có anh, M, T1, Đ, H và L. Khi vào phòng hát được khoảng 10 phút thì Đ đưa cho anh nửa viên nén màu hồng

là ma túy để anh sử dụng bằng hình thức uống cùng nước lọc và anh có sử dụng một đường ma túy “ke”. Sau đó tại đây mọi người cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 5 giờ cùng ngày thì các anh không sử dụng ma túy nữa mà đến nhà nghỉ B để nghỉ. Đến nơi Đ đặt 3 phòng nghỉ gồm phòng 504, 506 và 508 thì anh cùng M vào phòng 504 để ngủ, đến khoảng 7 giờ 30 phút bị cơ quan kiểm tra. Quá trình kiểm tra có tạm giữ của anh 01 điện thoại di động.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Hoa M vắng mặt tại phiên tòa có lời khai: Khoảng 23 giờ ngày 26/02/2023 chị và Nguyễn Văn T3 đang ở quán karaoke N thì có Nguyễn Trọng Đ vào bảo các chị đến quán karaoke R thuộc thôn Th, xã M, huyện S, TP Hà Nội. Chị, T3, Đ cùng vào phòng VIP 1 của quán Karaoke R. Lúc này trong phòng đã có Lường Thị H, Nguyễn Văn T1, L là quản lý nhân viên của quán N và 02 bạn nữ giới chị không biết tên. Sau khi vào phòng, chị thấy trên bàn có tờ tiền trên mặt chứa ma túy. Chị biết đây là ma túy Ketamine, chị và T3 tự lấy để sử dụng. Các chị cùng nhau sử dụng ma túy đến khoảng 04 giờ ngày 27/02/2023 thì L rủ mọi người sang quán N chơi. Mọi người đồng ý và cùng nhau đi sang quán N vào phòng số 9. Tuy nhiên, chị bận chuẩn bị quần áo để hôm sau về quê nên không vào cùng mọi người luôn lúc đó. Khoảng 20 phút sau chị mới đi vào phòng, lúc này trong phòng vẫn có T3, L, Đ, T1, H và 02 bạn nữ. Chị không để ý thấy ai sử dụng ma túy nhưng có nhìn thấy ma túy “ke” để trên mặt bàn, tuy nhiên chị không sử dụng. Chị ngồi trong phòng khoảng 20 phút thì mọi người nghỉ. Đến khoảng 5 giờ thì anh T3 liên lạc rủ chị đến phòng 504 khách sạn B, chị đồng ý và thuê xe taxi đến đó để nghỉ cùng T3. Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 27/02/2023 thì bị cơ quan Công an đến kiểm tra thu giữ 01 điện thoại của chị.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lường Thị H tại phiên tòa có lời khai: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/02/2023, chị đang làm nhân viên phục vụ khách hát tại quán karaoke R và nghỉ ở phòng nghỉ tầng 1, quán karaoke R thuộc thôn Th, xã M, huyện S thì có anh Đ (quản lý quán R) bảo chị vào phòng VIP1, quán karaoke R để phục vụ khách hát. Chị vào phòng Vip1 và trong đó có anh Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1991 nhà ở xã Ph, huyện S, anh L, sinh năm 1998 nhà ở huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (quản lý quán karaoke N) và 02 nhân viên nữ (không biết tên). Tại đây anh Đ đưa cho chị nửa viên ma túy “kẹo” và bảo chị sử dụng, chị nhận ma túy và sử dụng hết, một lúc sau chị thấy anh T1 vào phòng VIP1, chị thấy anh Đ đưa cho anh T1 nửa viên ma túy “kẹo” để sử dụng, T1 đã

sử dụng hết ngay lúc đó. Một lúc sau Đ đưa cho chị 01 túi zip nilon đựng ma túy “ke” và bảo chị mang xuống phòng nghỉ nhân viên để xào, chị lấy đĩa sứ và thẻ cứng ra anh Đ cầm túi ma túy “ke” rồi đổ ra đĩa sứ, chị đốt lửa hơi nóng đĩa sứ còn anh Đ lấy thẻ cứng “xào ma túy ke” xong rồi đổ số ma túy ke đó ra một tờ tiền và mang vào phòng Vip1 và để lên bàn trong phòng và mời mọi người trong phòng ra sử dụng ma túy. Chị thấy tất cả mọi người trong phòng lúc đó đều lần lượt sử dụng ma túy “ke”. Khoảng 20 phút sau, anh T3 và chị M vào phòng Vip1, chị không để ý M và T3 có sử dụng ma túy tại đó không. Sau đó anh L có bảo các chị sang quán karaoke N ở bên cạnh quán R để chơi (nghe nhạc) tiếp. Các chị trả phòng bên quán R và chuyển sang quán N vào phòng Vip9. Lúc này có T3, M, T1, Đ, L, chị và 02 nhân viên nữ, lúc sau thì 01 nhân viên nữ ra khỏi phòng. Các chị nghe nhạc tại đây đến khoảng gần 1 giờ thì Nguyễn Trọng Đ có đưa cho chị 01 túi zip nilon đựng ma túy “ke”, chị đốt giấy hơi nóng mặt kính của bàn rồi đổ ma túy ra mặt bàn kính và anh Đ lấy thẻ cứng “xào ke” kẻ ma túy “ke” đường nhỏ để mọi người tiện sử dụng. Chị và mọi người trong phòng có sử dụng ma túy “ke” tại đó đến khoảng 4 giờ 30 phút ngày 27/02/2023 thì các chị nghỉ trả phòng. Sau đó chị cùng T3, T1, Đ đi một taxi đến nhà nghỉ B ở thôn M, xã M để nghỉ. Anh Đ vào quầy gặp quản lý nhà nghỉ và thuê 03 phòng nghỉ. Chị cùng anh T1 lên phòng 506 còn Đ và T3 vào phòng nào cụ thể thì chị không rõ. Vì lúc chuẩn bị trả phòng Vip 9 ở quán N thì anh T1 đưa cho chị 01 tờ tiền và bảo chị cạo số ma túy “ke” còn thừa ở mặt bàn vào tờ tiền để đổ vào 01 túi zip nilon nhỏ để mang đi nhà nghỉ B nên khi chị và T1 vào phòng 506 thì chị đốt giấy hơi nóng mặt kính ở bàn rồi đổ số ma túy “ke” trong túi ra và lấy thẻ phòng số 506 kẻ thành đường nhỏ và cuốn ống hút để chị và T1 cùng sử dụng ma túy “ke”. Các chị chơi đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 27/02/2023 thì bị cơ quan công an kiểm tra, thu giữ tang vật và lập biên bản và đưa các chị về trụ sở làm việc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, nhân thân các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS (thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1).

Xử phạt Nguyễn Trọng Đ mức án từ 7 năm 3 tháng đến 7 năm 9 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28/02/2023.

Xử phạt Bùi Văn L mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28/02/2023.

Xử phạt Nguyễn Văn T1 mức án từ 7 năm đến 7 năm 6 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 (thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với Đoàn Hương G), Điều 38 BLHS;

Xử phạt Đoàn Hương G mức án từ 30 đến 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 28/02/2023.

Xử phạt Vũ Thị Khánh H mức án từ 24 đến 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 28/02/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt Hà Xuân A mức án từ 12 đến 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 28/02/2023.

Áp dụng Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Về tang vật: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ma túy có chữ ký của Hà Xuân A và giám định viên, 01 phong bì niêm phong ma túy, thẻ cứng, ống hút có chữ ký của Nguyễn Văn T1 và giám định viên, 01 tấm kính dán giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn T1, 02 phong bì niêm phong 02 vỏ túi nilon dính ma túy có chữ ký của Đoàn Hương G và giám định viên, 01 đĩa sứ, 01 thẻ cứng, 01 ống hút được niêm phong có chữ ký của Đoàn Hương G và giám định viên, 01 đĩa sứ được niêm phong có chữ ký của Lương Thị H và giám định viên.

Tịch thu bán sung công 04 điện thoại di động thu giữ của Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1, Bùi Văn L, Đoàn Hương G; Trả lại 04 điện thoại di động thu giữ của Hà Xuân A, Vũ Thị Khánh H, Nguyễn Văn T3, Đinh Thị Hoa M, Lương Thị H; Trả lại Đoàn Hương G 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu trắng, trả lại Bùi Văn L 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu đen, trả lại bà Nguyễn Thị Kh 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu đen.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 trình bày:* Bị cáo T1 khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, có ông ngoại là thương binh, Hoàn cảnh gia đình bố ốm đau bệnh tật, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức khởi điểm của khung hình phạt.

** Người bào chữa cho bị cáo Hà Xuân A trình bày:* Bị cáo Hà Xuân A khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, tích cực giúp cơ quan pháp luật điều tra tội phạm làm rõ nội dung vụ án, bị cáo tự thú. Bị cáo có ông nội là Hà Ngọc Th tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, t, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội, Điều tra viên Công an huyện S, thành phố Hà Nội đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo, các đương sự không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 26/02/2023, tại quán Karaoke R, tại thôn Th, xã M, huyện S, TP Hà Nội, Đoàn Hương G có hành vi bán trái phép 03 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke với giá 4.200.000đ cho Nguyễn Trọng Đư. Vũ Thị Khánh H có hành vi giúp sức cho G bán ma túy cho Đ. Hành vi của Đoàn Hương G và Vũ Thị Khánh H đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Sau khi mua được ma túy của Đoàn Hương G, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1, Bùi Văn L có hành vi tổ chức đưa ma túy trái phép vào cơ thể mình và các đối tượng Lương Thị H, Nguyễn Văn T3, Đinh Thị Hoa M, V và H tại các địa điểm phòng Vip 1 quán Karaoke R và Phòng số 9 quán Karaoke N ở thôn Th, xã M, huyện S. Số ma túy còn lại các đối tượng tiếp tục đem đến Nhà nghỉ B tại thôn M Nội, xã M, huyện S, TP Hà Nội để sử dụng. Hành vi của Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1 và Bùi Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Bị cáo Hà Xuân A có hành vi tàng trữ 0,680 gam ma túy loại MDMA, mục đích để sử dụng cho bản thân đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, tệ nạn ma túy không những tàn phá kinh tế gia đình, làm tha hoá con người, đe dọa giống nòi mà còn là nguyên nhân gây ra các tội phạm nguy hiểm khác. Viện kiểm sát nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1 và Bùi Văn L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Truy tố Đoàn Hương G, Vũ Thị Khánh H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS. Truy tố Hà Xuân A về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn T3 và Đinh Thị Hoa M không góp tiền và không bàn bạc tiền sử dụng ma túy nên không có căn cứ xử lý. Ngày 15/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực An ninh, trật tự đối với T3, M về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bằng hình thức phạt tiền.

Đối với người tên V và H là nhân viên được L điều tới để phục vụ việc sử dụng ma túy. Do L không biết rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra làm rõ.

Đối với số ma túy tạm giữ của Hà Xuân A: Xuân A khai nhận được và không biết nguồn gốc nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện S không có cơ sở xác minh làm rõ.

Đối với bà Hồ Thị M là chủ cơ sở kinh doanh Karaoke R; Hồ Thị Ng là chủ cơ sở kinh doanh Karaoke N và Nguyễn Thị Kh là chủ Nhà nghỉ B không chỉ đạo

và không biết việc mọi người sử dụng ma túy trong quán do mình làm chủ nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện S không đề cập xử lý. Ngày 15/8/2023, Ủy ban nhân dân huyện S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với M, Ng, Kh bằng hình thức phạt tiền về hành vi để xảy ra hoạt động tàng trữ, mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực, phương tiện do mình quản lý, quy định tại điểm a, khoản 4, điều 23, Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ; Hành vi kinh doanh dịch vụ karaoke không có giấy phép theo quy định theo điểm a, khoản 7, điều 15, nghị định 38/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo.

Đối với Lương Thị H là nhân viên phục vụ của quán Karaoke R có hành vi xào ke cho các đối tượng sử dụng: ngày 03/8/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện S đã ra Quyết định tách hành vi của H để tiếp tục điều tra làm rõ.

** Đối với quan điểm của người bào chữa:*

Đối với quan điểm và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T1 đề nghị bị cáo bị truy tố đúng tội danh và điều khoản, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng mức khởi điểm của khung hình phạt. Xét thấy quan điểm của người bào chữa có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với quan điểm và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hà Xuân A đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t, r khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng: đối với tình tiết giảm nhẹ ở điểm t, bị cáo Hà Xuân A chỉ thành khẩn khai báo, không có hành động nào thể hiện sự giúp cơ quan điều tra tích cực phát hiện, điều tra tội phạm do các bị cáo khác thực hiện mà đang bị điều tra, nên không có căn cứ áp dụng điểm t cho bị cáo. Đối với tình tiết bị cáo tự thú, thấy rằng khi cơ quan điều tra đang điều tra tội phạm khác, hành vi phạm tội của bị cáo chưa bị phát hiện nhưng bị cáo đã tự giác giao nộp ma túy, nên có căn cứ chấp nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ có ông là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn T1 có ông ngoại là thương binh hạng 4; bị cáo Hà Xuân A có ông nội được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước; bị cáo Đoàn Hương G có

bác là liệt sỹ nên các bị cáo Đ, T1, Xuân A được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nhưng với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam trong một thời hạn nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Đ là người trực tiếp mua ma túy, trực tiếp liên hệ với T1, L để sử dụng ma túy nên giữ vai trò đầu vụ. T1 thỏa thuận chia tiền sử dụng ma túy cùng Đ, rủ Nguyễn Văn T3 cùng đến sử dụng ma túy nên T1 giữ vai trò sau Đ. L là người đi rủ 02 nhân viên nữ của quán karaoke N tên là V, H cùng sử dụng ma túy và chịu trách nhiệm trả tiền nhân viên cho 2 nhân viên này nên giữ vai trò cuối trong tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo Đoàn Hương G là người trực tiếp giao dịch để bán ma túy cho Đ nên giữ vai trò thứ nhất đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Vũ Thị Khánh H là người được G nhờ đi đưa ma túy nên đóng vai trò là người giúp sức cho G trong việc mua bán ma túy nên giữ vai trò sau G.

Bị cáo Hà Xuân A có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và có vai trò độc lập và thứ yếu trong vụ án.

[5] Về vật chứng:

Quá trình điều tra vụ án cơ quan công an thu giữ:

- 01 thẻ cứng dán số 506 và 01 ống hút đều dính tinh thể màu trắng, 01 túi nilon kích thước (3x2,5)cm đựng tinh thể màu trắng, 01 tấm kính kích thước khoảng (50 x 50)cm trên mặt bàn kính có tinh thể màu trắng; 01 hóa đơn bán lẻ ghi anh Đ nợ, 01 đĩa sứ, 01 thẻ cứng, 01 ống hút có dính chất bột màu trắng, 01 túi nilon kích thước (2x2)cm dính bột màu trắng tại ngăn kéo bàn trang điểm, 01 túi nilon kích thước (2x2)cm có dính tinh thể màu trắng tại phòng khách của quán karaoke R; 01 túi nilon bên trong chứa 01 viên nén màu cam và 01 mảnh viên nén màu cam; 01 đĩa sứ hình tròn. Xét đây là những vật sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng và là chất cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 09 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo và người liên quan. Xét thấy các điện thoại thu giữ của Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Văn T1, Bùi Văn L, Đoàn Hương G đều sử dụng vào việc liên lạc để tổ chức sử dụng ma túy và mua bán trái

phép chất ma túy nên cần tịch thu bán sung công; Đối với điện thoại thu giữ của Vũ Thị Khánh H, Nguyễn Văn T3, Hà Xuân A, Lường Thị H không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo và người liên quan.

- Đối với 03 đầu thu camera thu giữ của Đoàn Hương G, Bùi Văn L và Nguyễn Thị Kh thấy không liên quan đến vụ án nên trả lại cho các bị cáo và người liên quan.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo đều lao động tự do, không có công việc ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt:

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Nguyễn Trọng Đ** 7 năm 3 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

Xử phạt **Nguyễn Văn T1** 7 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 255, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Bùi Văn L** 7 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Đoàn Hương G** 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt **Vũ Thị Khánh H** 24 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, r Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt Hà Xuân A 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2023.

2. *Về vật chứng:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ma túy có chữ ký của Hà Xuân A và giám định viên, 01 phong bì niêm phong ma túy, thẻ cứng, ống hút có chữ ký của Nguyễn Văn T1 và giám định viên, 01 tấm kính dán giấy niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn T1, 02 phong bì niêm phong 02 vỏ túi nilon dính ma túy có chữ ký của Đoàn Hương G và giám định viên, 01 đĩa sứ, 01 thẻ cứng, 01 ống hút được niêm phong có chữ ký của Đoàn Hương G và giám định viên, 01 đĩa sứ được niêm phong có chữ ký của Lương Thị H và giám định viên.

Tịch thu bán sung công 01 điện thoại di động iphone màu đen thu giữ của Nguyễn Trọng Đ, 01 điện thoại di động iphone màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn T1, 01 điện thoại di động iphone màu vàng thu giữ của Bùi Văn L, 01 điện thoại di động iphone màu xanh thu giữ của Đoàn Hương G, 01 điện thoại di động iphone màu xanh thu giữ của Nguyễn Văn T3.

Trả lại 01 điện thoại di động iphone màu đen thu giữ của Hà Xuân A, 01 điện thoại di động iphone màu xám thu giữ của Vũ Thị Khánh H, 01 điện thoại di động oppo màu xanh thu giữ của Đinh Thị Hoa M, 01 điện thoại di động iphone màu hồng thu giữ của Lương Thị H.

Trả lại Đoàn Hương G 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu trắng, trả lại Bùi Văn L 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu đen, trả lại bà Nguyễn Thị Kh 01 đầu thu camera nhãn hiệu @hua màu đen.

(Tình trạng như biên bản giao nhận giữa cơ quan Công an huyện S, thành phố Hà Nội và Chi cục Thi hành án huyện S, thành phố Hà Nội).

3. *Về án phí, quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND H.S;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

- Công an H. S;
- THADS H.S;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

Ngô Thị Hồng